



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Cao đẳng - Đợt tháng 09/2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-HĐHV, ngày 08/08/2022 của Chủ tịch Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/03/2017 về việc quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp **15 (Mười lăm)** bằng Cử nhân thực hành Dịch vụ thương mại hàng không, **16 (Mười sáu)** bằng Cử nhân thực hành Kiểm tra an ninh hàng không, **04 (Bốn)** bằng Kỹ sư thực hành Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay; **02 (Hai)** bằng Kỹ sư thực hành Kỹ thuật điện tử tàu bay; **10 (Mười)** bằng Kỹ sư thực hành Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông, **02 (Hai)** bằng Kỹ sư thực hành Kiểm soát không lưu cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Cao đẳng - Đợt tháng 09/2023 (Theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;

- Lưu VT,ĐT



TS. Nguyễn Thanh Dũng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - ĐỢT THÁNG 09//2023**

(Đính kèm quyết định số: 916 /QĐ-HVHKVN ngày 16 / 09 /2023)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1813120020	Nguyễn Vũ Anh	Đào	22/08/1998	18CĐĐV01	2.38	Trung bình	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CĐ
2	1813120021	Phạm Hoàng	Gia	11/07/2000	18CĐĐV01	2.18	Trung bình	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CĐ
3	1813120027	Hoàng Thị Thu	Hiền	23/12/2000	18CĐĐV01	2.06	Trung bình	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CĐ
4	1813120006	Mai Thị	Hương	27/07/1999	18CĐĐV01	2.31	Trung bình	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CĐ
5	1813120013	Lê Văn	Phú	24/10/1998	18CĐĐV01	2.77	Khá	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CĐ
6	1913120002	Võ Thị	Hoa	26/06/2001	19CĐĐV01	2.68	Khá	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CĐ
7	1913120021	Đinh Thị Thuý	Linh	14/05/2000	19CĐĐV01	2.06	Trung bình	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CĐ
8	1913120031	Đặng Mỹ	Phương	23/12/2001	19CĐĐV01	2.51	Khá	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CĐ
9	1913120006	Trần Hữu	Tinh	15/02/2001	19CĐĐV01	2.77	Khá	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CĐ
10	1913120029	Võ Thùy	Trang	23/01/2001	19CĐĐV01	2.43	Trung bình	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CĐ
11	1811150006	Hoàng Thị	Dung	25/11/2000	18CĐTM01	2.4	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
12	1811150010	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	10/08/2000	18CĐTM01	2.88	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
13	1811150093	Nguyễn Minh	Đức	20/11/2000	18CĐTM02	2.32	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
14	1811150092	Nguyễn Trung	Kiên	21/12/1999	18CĐTM02	2.06	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
15	1811150097	Trần Thị Trúc	Mai	15/03/2000	18CĐTM02	2.87	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
16	1811150094	Đặng Thị Anh	Thư	11/08/2000	18CĐTM02	2.71	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
17	1811150090	Trần Thị Kim	Yến	05/06/2000	18CĐTM02	3.07	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
18	1811150138	Nguyễn Xuân Ngọc	Hào	19/02/2000	18CĐTM03	2.44	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
19	1811150114	Lê Diễm	Kiều	18/01/2000	18CĐTM03	2.12	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
20	1911150062	Nguyễn Thị Mỹ	Thuý	14/08/2001	19CĐTM02	2.14	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
21	1911150060	Nguyễn Ngọc	Tú	26/10/2001	19CĐTM02	2.53	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
22	1911150073	Nguyễn Thị Tố	Uyên	18/04/2001	19CĐTM02	2.57	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
23	1911150114	Tạ Văn	Thịnh	28/02/2001	19CĐTM03	2.41	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
24	2011150052	Phan Hoàng Thảo	Trang	14/04/2002	20CĐTM02	2.93	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
25	2011150042	Phan Thị Thuý	Vy	23/01/2002	20CĐTM02	2.73	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
26	2011210041	Lê Phạm Khánh	Nam	05/05/1996	20CĐKL01	3.25	Giỏi	Kiểm soát không lưu
27	2011210039	Đỗ Nguyễn Thanh	Tuyền	25/11/1999	20CĐKL01	3.15	Khá	Kiểm soát không lưu
28	1811010037	Vũ Trúc Anh	Linh	03/12/2000	18CĐAN01	2.31	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
29	1811010044	Ngô Vũ	Thìn	04/01/2000	18CĐAN01	2.2	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
30	1811010017	Diêm Thị	Tú	20/12/2000	18CĐAN01	2.74	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
31	1811010022	Nguyễn Võ Thanh	Vân	06/07/2000	18CĐAN01	2.6	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
32	1811010010	Nguyễn Như	Ý	09/05/2000	18CĐAN01	2.69	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
33	1911010020	Trần Đoàn Khả	Ái	13/03/2001	19CĐAN01	2.4	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
34	1911010046	Nguyễn Băng	Châu	09/05/2001	19CĐAN01	2.56	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
35	1911010041	Nguyễn Tư	Hiếu	30/08/2001	19CĐAN01	2.36	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
36	1911010025	Hồ Đông	Huy	12/01/2001	19CĐAN01	2.41	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
37	1911010019	Nguyễn Nguyên	Lý	12/02/2000	19CĐAN01	2.28	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
38	1911010006	Đoàn Ngọc Huỳnh	Nghi	01/02/2000	19CĐAN01	2.35	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
39	1911010028	Bùi Thị Hà	Phuong	29/11/2001	19CĐAN01	2.54	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
40	1911010034	Đoàn Thanh	Triều	12/09/2001	19CĐAN01	2.31	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
41	2011010061	Danh Vũ	Hiệp	01/12/2001	20CĐAN01	2.56	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
42	2011010063	Phan Đức	Long	17/02/1994	20CĐAN01	2.59	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
43	2011010002	Phạm Nguyễn Hồng	Ngọc	27/08/2002	20CĐAN01	2.94	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
44	1811020003	Nguyễn Thanh	Bách	26/08/2000	18CĐCK01	2.25	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
45	1910000045	Trần Dương Phước	Lâm	30/04/2001	19CĐCK01	2.39	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
46	2010000025	Đinh Lê Hòa	Anh	31/12/1998	20CĐCK01	2.7	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
47	2010000003	Hoàng Đức	Thịnh	10/02/2001	20CĐCK01	2.6	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
48	1812090005	Phạm Tuấn	Tiến	15/03/2000	18CĐĐT01	2.94	Khá	Kỹ thuật điện tử tàu bay
49	1812090004	Trịnh Khánh	Văn	11/09/2000	18CĐĐT01	2.15	Trung bình	Kỹ thuật điện tử tàu bay

Tổng cộng danh sách này có 49 sinh viên được công nhận tốt nghiệp.